

**KHẢO SÁT NHU CẦU DU HỌC VÀ NHỮNG RÀO CẢN ẢNH HƯỞNG
ĐẾN VIỆC DU HỌC CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2019**

*Nguyễn Thị Như Trang**, *Trương Minh Ánh Mai*, *Lâm Nhựt Anh*,
Lê Thị Cẩm Tú, *Lê Thị Nhân Duyên*, *Đỗ Thị Thảo*, *Nguyễn Thắng*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

** Email: ntntrang@ctump.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhận định được nhu cầu và rào cản khi quyết định du học của các bạn sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe giúp tìm ra những phương án phù hợp tạo điều kiện để sinh viên được học tập tại nước ngoài một cách hiệu quả. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát nhu cầu của sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe về du học, tìm học bổng và xác định những rào cản, các yếu tố ảnh hưởng đến việc du học nước ngoài của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Số liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi khảo sát trong mẫu đăng ký Hội thảo du học do Trường tổ chức, với nội dung chủ yếu đánh giá nhu cầu du học và xác định một số rào cản và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đi du học của sinh viên. **Kết quả:** Có 88 đối tượng tham gia nghiên cứu (56,8% nữ), trong đó 53,4% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu du học nước ngoài. Việc trang bị vốn kiến thức về ngoại ngữ được đánh giá là cần thiết nhất trong khâu chuẩn bị chiếm 96,6% và các đối tượng nghiên cứu cũng nhận thức được việc sinh viên gặp rào cản về ngôn ngữ ít có nhu cầu du học hơn nhóm còn lại ($OR = 2,5$; $KTC\ 95\% = 1,0 - 6,26$, $p = 0,047$). Rào cản về kinh tế ảnh hưởng nhất đến việc du học nước ngoài chiếm 90,9%. **Kết luận:** Đẩy mạnh việc phát triển và ứng dụng tiếng Anh trong giảng dạy và học tập, tìm ra các giải pháp khắc phục những yếu tố rào cản về kinh tế góp phần tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe có nhiều cơ hội tiếp thu những tri thức, công nghệ mới trên thế giới.

Từ khóa: nhu cầu, rào cản, yếu tố ảnh hưởng, du học, Cần Thơ

ABSTRACT

**NEEDS AND BARRIERS IN STUDYING ABROAD OF STUDENTS OF
CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2019**

*Nguyen Thi Nhu Trang**, *Truong Minh Anh Mai*, *Lam Nhut Anh*, *Le Thi Cam Tu*,
Le Thi Nhan Duyen, *Do Thi Thao*, *Nguyen Thang*

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Understanding demands and barriers of studying abroad helps to find suitable options for students in health sciences to study in a foreign country efficiently. **Objectives:** To identify needs, barriers, and associated factors of studying abroad of medical students. **Materials and methods:** We conducted a cross-sectional study on students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from July 8, 2019 to July 15, 2019. The data was collected from the answers for the questionnaire in the registration form of the Workshop on Studying Abroad organized by our university, with the main content of evaluating the demand for studying abroad and identifying some barriers and factors affecting student's decision to study abroad. **Results:** We included 88 students (56.8% female) and 53.4% of the study students have the need to study abroad. Equipping with foreign languages was considered the most necessary step in the preparation stage, accounting for 96.6% and the study subjects were aware that students with language barrier group had less need to study abroad than the other ($OR = 2.5$; $95\% CI: 1.0 - 6.26$; $p = 0.047$). Economic condition was considered as the most influential barrier with 90.9%. **Conclusion:** Promoting the development and applying English in teaching and learning as well as

finding solutions to overcome the barriers that affect the decision to study abroad contribute to create favorable conditions for students in health sciences to have more opportunities to acquire new knowledge and technologies in the world.

Keywords: demands, barriers, associated factors, studying abroad, Can Tho.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, du học mang đến những lợi ích nhất định đơn cử như việc mở ra nhiều cơ hội có việc làm hơn sau khi tốt nghiệp [1],[2]. Trong những năm qua, nhu cầu về du học ngày càng gia tăng thể hiện rõ nét ở số lượng du học sinh ở các nước tăng lên đáng kể [3]. Tuy nhiên, việc quyết định có chọn lựa con đường này để định hướng cho bản thân đòi hỏi một quá trình tìm hiểu và cân nhắc vô cùng kỹ lưỡng dựa trên rất nhiều yếu tố cá nhân và yếu tố xung quanh [4].

Đặc biệt, đối với ngành khoa học sức khỏe với sự khác biệt rất lớn về chương trình học so với những ngành học khác và cách thức đào tạo giữa các quốc gia tuy có sự tương đồng nhưng cũng có những điểm khác nhau đáng kể [5], càng đặt ra nhiều thử thách hơn đến việc quyết định du học của các bạn sinh viên trường Y nhưng đồng thời cũng tạo động lực rất lớn đối với các bạn muốn tiếp thu và tìm hiểu nguồn văn hóa, tri thức, kỹ thuật mới [6]. Để đánh giá về vấn đề này, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với hai mục tiêu: (1) Khảo sát nhu cầu của sinh viên về du học và tìm học bổng; (2) Xác định những rào cản và các yếu tố ảnh hưởng đến việc du học nước ngoài của sinh viên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có nhu cầu cho việc du học và tìm học bổng.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên được chọn vào mẫu nghiên cứu thỏa các tiêu chuẩn: (1) Thuộc hệ chính quy đang theo học các chuyên ngành tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; (2) Có tham dự hội thảo du học do Trường tổ chức; (3) Có tham gia trả lời khảo sát trên biểu mẫu tại 2 thời điểm: trước khi hội thảo diễn ra (ít nhất một ngày) và cuối buổi hội thảo trên biểu mẫu Sinh viên của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không được chọn vào mẫu nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn: (1) Có trả lời khảo sát nhưng không tham gia hội thảo du học do Trường tổ chức; (2) Có đăng ký tham gia hội thảo du học do Trường tổ chức nhưng không hoàn thành câu hỏi khảo sát trên biểu mẫu; (3) Có hoàn thành câu hỏi khảo sát nhưng lại gửi phản hồi về chậm hơn thời điểm thu thập câu trả lời.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu

Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần có; $Z_{1-\frac{\alpha}{2}}$ là hệ số tin cậy dùng trong nghiên cứu, mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$, suy ra $Z = 1,96$; p là tỷ lệ sinh viên có nhu cầu du học, do chưa có nghiên cứu trước đó phù hợp nên lấy $p=0,5$; d là khoảng sai lệch mong muốn giữa tỷ lệ p thu được từ mẫu và tỷ lệ p của quần thể, chúng tôi chọn $d = 0,11$. Thay vào công thức,

chúng tôi tính được 80 mẫu và dự trừ 10% hao hụt nên cỡ mẫu cuối cùng trong nghiên cứu là 88 mẫu.

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu: Thực hiện phương pháp chọn mẫu thuận tiện, chúng tôi lập ra 2 loại biểu mẫu bao gồm: biểu mẫu tham dự Hội thảo du học do Trường tổ chức được đăng trực tiếp trên trang thông tin chính thức của Trường và biểu mẫu khảo sát sau hội thảo thực hiện thông qua mã QR trên slide trình chiếu tại thời điểm hội thảo kết thúc. Việc thu thập số liệu dựa trên số lượng phản hồi biểu mẫu đăng ký tham gia và biểu mẫu khảo sát sau hội thảo, trong khoảng thời gian thực hiện khảo sát và thu thập số liệu diễn ra từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

2.2.4. Nội dung nghiên cứu: Đánh giá nhu cầu du học và xác định một số rào cản và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đi du học của sinh viên. Nhu cầu du học được đánh giá theo thang điểm 10 với hai giá trị: mức độ nhiều khi giá trị đạt ≥ 8 điểm, mức độ ít khi giá trị đạt từ 1 – 7 điểm (dựa trên điểm cắt xác định nhu cầu du học nhiều và ít được chọn là giá trị trung bình của đánh giá nhu cầu du học theo thang điểm 10 và điểm cắt được lấy ở đây là 8 điểm). Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du học của sinh viên được đánh giá thông qua các yếu tố như ngôn ngữ, kinh tế, gia đình, bạn bè... Bên cạnh đó, một số đặc điểm về thông tin chung của đối tượng cũng được thu thập như: lớp, khóa, ngành học, điểm tích lũy, trình độ ngoại ngữ...

2.2.5. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu: Thực hiện thu thập số liệu thông qua các câu trả lời từ biểu mẫu khảo sát bằng công cụ Google Forms. Đối tượng nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi dưới dạng câu hỏi ngắn, câu hỏi dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn và câu hỏi về phạm vi tuyên tính biểu hiện mức độ.

2.2.6. Phương pháp xử lý số liệu: Tổng hợp số liệu thông qua Google Forms và phần mềm Excel, phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS 18.0. Sử dụng thống kê mô tả và hồi quy logistic để phân tích số liệu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khảo sát nhu cầu của sinh viên về du học và tìm học bổng

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số (n = 88)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	38	43,2
Nữ	50	56,8
Quê quán		
Tây Nam Bộ	82	93,2
Tỉnh khác	6	6,8
Ngành		
Ngành Y	50	56,8
Các ngành khác	38	43,2
Khóa		
Sinh viên đầu khóa	39	44,3
Sinh viên cuối khóa	49	55,7
Trình độ Anh văn		

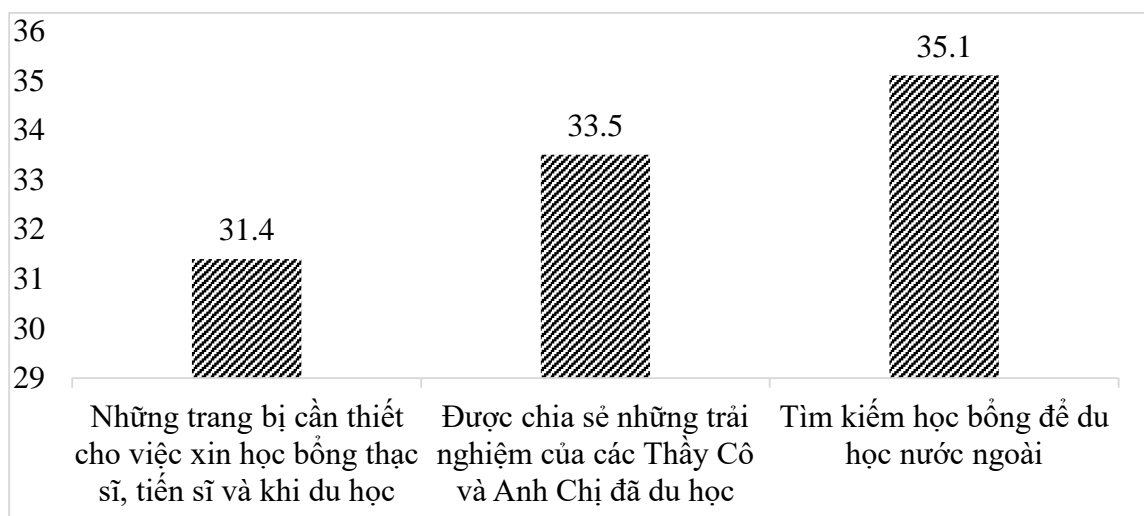
Chưa thi	31	35,2
Bậc 1	1	1,10
Bậc 2	5	5,70
Bậc 3	24	27,3
Bậc 4	21	23,9
Bậc 5	6	6,80
Điểm tích lũy		
< 7,00	6	6,80
7,00 - 7,90	61	69,3
≥ 8,00	21	23,9

Đối tượng nghiên cứu đa phần là nữ giới chiếm 56,8%; 93,2% có quê quán thuộc các tỉnh vùng Tây Nam Bộ; 56,8% thuộc ngành Y; 55,7% là các sinh viên tốt nghiệp, khóa cuối và kế cuối của từng ngành học; trình độ Anh văn bậc 3 chiếm chủ yếu (27,3%) quy đổi tương đương theo khung ngoại ngữ 6 bậc tại Việt Nam và điểm tích lũy hiện tại từ 7,00 - 7,90 chiếm tỷ lệ lớn nhất (69,3%).

Bảng 2. Nhu cầu du học nước ngoài của đối tượng nghiên cứu (thang điểm 10)

Nhu cầu du học	Tần số (n = 88)	Tỷ lệ (%)
Nhiều (≥8 điểm)	47	53,4
Ít (1-7 điểm)	41	46,6
Trung bình ± Độ lệch chuẩn	7,60 ± 1,60	

Có 53,4% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu du học nước ngoài.



Hình 1: Tỷ lệ các nội dung mà đối tượng nghiên cứu mong muốn được chia sẻ trong hội thảo du học (tính theo 100%)

Những thông tin về học bổng để du học nước ngoài là nội dung mà đối tượng nghiên cứu mong muốn được chia sẻ nhiều nhất trong hội thảo (35,1%).

Bảng 3. Thông tin về những điều cần chuẩn bị khi học nghiên cứu sinh và các chương trình sau đại học, lĩnh vực dự định du học theo mong muốn của đối tượng nghiên cứu

Nội dung	Tần số	Tỷ lệ (%)
Chương trình sau đại học (n=88)		
Thạc sĩ	71	80,7
Tiến sĩ	11	12,5
Chương trình đào tạo sau đại học (n=88)		
Đào tạo ngắn hạn	6	6,8
Lĩnh vực dự định du học (n=88)		
Y	62	68,2
Dược	16	19,3
Răng hàm mặt	7	8,0
Không biết	3	4,5
Những điều cần chuẩn bị khi học nghiên cứu sinh (tính trên từng câu trả lời)		
Ngoại ngữ	85	96,6
Đề cương nghiên cứu	77	87,5
Chi phí thực hiện	68	77,3
Thời gian nghiên cứu từ 3 năm trở lên	43	48,9

Các đối tượng nghiên cứu quan tâm và lựa chọn việc du học ở bậc Thạc sĩ chiếm tỉ lệ cao nhất (80,7%), lĩnh vực y khoa (bao gồm: y cơ sở, y lâm sàng và y tế công cộng) chiếm tỷ lệ cao nhất là 68,2% trong các lĩnh vực dự định khi du học và việc trang bị ngoại ngữ được đánh giá là cần thiết nhất trong quá trình chuẩn bị học nghiên cứu sinh ở nước ngoài khi chiếm đến 96,6% trong tổng số câu trả lời của đối tượng nghiên cứu.

3.2. Xác định những rào cản và các yếu tố ảnh hưởng đến việc du học nước ngoài của sinh viên

Bảng 4. Những rào cản ảnh hưởng đến việc du học nước ngoài và một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du học khi đã có học bổng (tính trên từng câu trả lời)

Nội dung	Tần số	Tỷ lệ (%)
Rào cản ảnh hưởng đến nhu cầu du học		
Kinh tế	80	90,9
Ngôn ngữ	57	64,8
Gia đình	29	33,0
Bạn bè	5	5,7
Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du học khi đã có học bổng		
Chi phí	63	71,6
Gia đình	28	31,8
Tâm lý cá nhân	24	27,3
Khó hòa hợp về văn hóa	17	19,3
Bạn bè	1	1,1
Phương tiện di chuyển	1	1,1

Rào cản về kinh tế ảnh hưởng đến việc du học nước ngoài chiếm chủ yếu (90,9%). Yếu tố về chi phí ảnh hưởng nhất đến việc đi du học khi đã có được học bổng (71,6%).

Bảng 5. Phân tích mối liên quan giữa nhu cầu du học với các yếu tố rào cản

Rào cản của du học	Nhu cầu du học		OR (95%CI)	p
	Nhiều	Ít		
Ngôn ngữ				
Không	21 (44,7)	10 (24,4)	2,5 (1,0 – 6,26)	0,047
Có ảnh hưởng	26 (55,3)	31 (75,6)		
Kinh tế				
Không	5 (10,6)	3 (7,3)	1,51 (0,34 – 6,74)	0,719
Có ảnh hưởng	42 (89,4)	38 (92,7)		
Gia đình				
Không	35 (74,5)	24 (58,5)	2,1 (0,84 – 5,1)	0,113
Có ảnh hưởng	12 (25,5)	17 (41,5)		
Bạn bè				
Không	45 (95,7)	38 (92,7)	1,78 (0,28 – 11,2)	0,661
Có ảnh hưởng	2 (4,3)	3 (7,3)		

Kết quả cho thấy rào cản về ngôn ngữ có sự ảnh hưởng nhất định đến việc quyết định du học của các đối tượng nghiên cứu ($p = 0,047$).

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, có khoảng 53,4% đối tượng nghiên cứu có nhu cầu du học nước ngoài. So với tỉ lệ khảo sát về nhu cầu du học được thực hiện trên 512 đối tượng là sinh viên chuyên ngành Răng Hàm Mặt ở ba trường tại Nhật Bản là 61,7% [7], mức độ nhu cầu du học được thể hiện trong nghiên cứu có phần thấp hơn do quá trình thực hiện và thu thập số liệu diễn ra trong thời gian phần lớn các bạn sinh viên đang trong giai đoạn nghỉ hè, nên chỉ thu thập thông tin qua bài đăng trên trang thông tin của trường và chưa có sự triển khai rộng rãi chi tiết tại các lớp nên cỡ mẫu thu được khá nhỏ.

Các đối tượng nghiên cứu quan tâm và lựa chọn việc du học ở bậc Thạc sĩ chiếm tỉ lệ cao nhất (80,7%). Có thể thấy, các đối tượng nghiên cứu tập trung phần lớn vào các chương trình sau đại học khi định hướng du học nước ngoài và điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu trong bối cảnh những thành tựu nỗ lực về sự liên kết các chương trình đào tạo sau đại học với sự hứa hẹn của nền y tế ở nước phát triển đơn cử như Hoa Kỳ về việc lấy giáo dục y tế toàn cầu làm nguyên tắc cốt lõi trong sứ mệnh của mình [8].

Đặc biệt, việc trang bị vốn kiến thức về ngoại ngữ được đánh giá là cần thiết nhất trong quá trình chuẩn bị học nghiên cứu sinh ở nước ngoài khi chiếm đến 96,6% trong tổng số câu trả lời của đối tượng nghiên cứu. Việc các đối tượng trong nghiên cứu dành sự quan tâm nhiều nhất cho việc học ngoại ngữ trong quá trình chuẩn bị du học cũng hoàn toàn hợp lý khi số lượng câu trả lời của đối tượng nghiên cứu về sự ảnh hưởng của rào cản ngôn ngữ đến việc du học nước ngoài chiếm đến 64,8% và có ý nghĩa về mặt thống kê ($p = 0,047$). Thêm vào đó, dựa trên kết quả khảo sát, 58% các đối tượng quan tâm đến việc du học có trình độ tiếng Anh từ bậc ba trở lên, cho thấy một thực tế sinh viên có nhu cầu học tập ở nước ngoài sẽ có nền tảng tiếng Anh tốt hơn [9]. Tuy nhiên, kinh tế cũng như chi phí mới là rào cản khi chuẩn bị đi du học cũng như yếu tố cản trở khi đã có được học bổng được nhiều đối tượng đề cập đến nhất (90,9% khi xét về rào cản ảnh hưởng đến việc du học và 71,6% khi xét về yếu tố cản trở khi đã có được học bổng). Hai yếu tố về điều kiện kinh tế cũng như ngoại ngữ cũng đã được đề cập trong các bài báo khác là những rào cản then chốt ảnh hưởng đến quyết định đi du học của các bạn sinh viên [6],[10].

Hạn chế của quá trình thực hiện khảo sát được biểu hiện ở việc cỡ mẫu cũng chưa bao quát hết tất cả các sinh viên ở tất cả các khóa, các lớp cũng như ở tất cả các ngành học tại Trường, chưa thu thập thông tin của các bạn sinh viên thuộc chuyên ngành Điều dưỡng, một trong những chuyên ngành có nhiều chương trình trao đổi sinh viên học tập quốc tế.

Tuy nhiên, kết quả của khảo sát này giúp sinh viên có thể nhìn thấy sơ bộ những rào cản và khó khăn thường gây lo ngại cho sinh viên. Từ đó Trường cũng có định hướng về giải pháp để giúp sinh viên có những suy nghĩ đúng hơn về việc du học, đó cũng là cơ sở để duy trì tổ chức các hội thảo du học hằng năm. Đồng thời, nghiên cứu sẽ tiếp tục được triển khai những cuộc khảo sát sâu rộng hơn với những hình thức đa dạng để tiếp cận gần hơn với sinh viên ở tất cả các ngành học của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và có thể bổ sung những cuộc khảo sát về đề xuất giải pháp phù hợp để tìm ra những cách khắc phục các yếu tố ảnh hưởng một cách hợp lý và có hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

Việc nhận định được nhu cầu của sinh viên về nhu cầu du học và tìm học bổng, tìm ra giải pháp để vượt qua rào cản về kinh tế cũng như có những ứng dụng vào bài học để nâng cao trình độ ngoại ngữ nên được chú trọng nhằm tạo ra nhiều cơ hội hơn cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe có thể thuận lợi tham gia các khóa trao đổi sinh viên, nhận được các suất học bổng cho các khóa học quốc tế, để nâng cấp cập nhật về kiến thức và công nghệ tiên tiến trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Di Pietro, G. (2015). Do Study Abroad Programs Enhance the Employability of Graduates?. *Education Finance and Policy*, 10(2), pp. 223–243.
2. Curtis, T., & Ledgerwood, J. R. (2018). Students' motivations, perceived benefits and constraints towards study abroad and other international education opportunities. *Journal of International Education in Business*, 11(1), pp. 63–78.
3. Cebolla-Boado, H., Hu, Y., & Soysal, Y. N. (2017). Why study abroad? Sorting of Chinese students across British universities. *British Journal of Sociology of Education*, 39(3), pp. 365–380.
4. Amani, M., & Kim, M. M. (2017). Study Abroad Participation at Community Colleges: Students' Decision and Influential Factors. *Community College Journal of Research and Practice*, 42(10), pp. 678–692.
5. Kato, H., Burger, A., Yanagisawa, R., & Lin, J. J. (2016). Comparative investigation of difference in healthcare and post-graduate education between The United States and Japan: A qualitative study. *Journal of General Internal Medicine*, 31, pp. 164–233.
6. Brown, M., Boateng, E. A., & Evans, C. (2016). Should I stay or should I go? A systematic review of factors that influence healthcare students' decisions around study abroad programmes. *Nurse Education Today*, 39, pp. 63–71.
7. Oka, H., Ishida, Y., Hong, G., & Nguyen, P. T. T. (2016). Perceptions of dental students in Japanese national universities about studying abroad. *European Journal of Dental Education*, 22(1), pp. 1–6.
8. Farmer, P. E., & Rhatigan, J. J. (2016). Embracing Medical Education's Global Mission. *Academic Medicine*, 91(12), pp. 1592–1594.

9. Takehara, S., Wright, F., Kawaguchi, Y., Ishida, Y., Morio, I., & Tagami, J. (2016). Characteristics of undergraduate dental students in Japan: English competency and willingness to study abroad, *International Dental Journal*, 66(5), pp. 311–317.
 10. Lörz, M., Netz, N., & Quast, H. (2015). Why do students from underprivileged families less often intend to study abroad?, *Higher Education*, 72(2), pp. 153–174.
(Ngày nhận bài: 21/02/2020 - Ngày duyệt đăng bài: 11/4/2020)
-